

PHAN THỊ HOA LÝ*

**VAI TRÒ CỦA CÁ NHÂN ĐỐI VỚI
SỰ BIẾN ĐỔI CỦA TÍN NGƯỠNG THỜ THIÊN HẬU
(Trường hợp đền Thiên Hậu Hạ ở Phố Hiến, thành phố Hưng Yên)**

Tóm tắt: Quá trình cộng cư, tiếp xúc lâu dài giữa các tộc người tất yếu sẽ dẫn đến biến đổi văn hóa nói chung, tín ngưỡng nói riêng. Sự biến đổi này diễn ra theo cách thức nào và tốc độ ra sao sẽ phụ thuộc vào: Mối quan hệ giữa văn hóa di sản và văn hóa tiếp nhận của người di cư, loại hình di cư, văn hóa tộc người, sự tương đồng văn hóa, đặc biệt là tác động của “bối cảnh tiếp nhận - context of reception” (bao gồm điều kiện lịch sử, chính trị, kinh tế, văn hóa của cộng đồng/nước tiếp nhận). Với việc sử dụng phương pháp điền dã, bao gồm: quan sát tham dự, phỏng vấn sâu, điều tra hồi cố và nghiên cứu tài liệu thứ cấp, bài viết này phân tích quá trình biến đổi của tục thờ Thiên Hậu ở đền Thiên Hậu Hạ, thành phố Hưng Yên cùng các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình đó. Kết quả cho thấy, ngoài tác động của các yếu tố nêu trên, quá trình biến đổi của tín ngưỡng này còn chịu ảnh hưởng mạnh mẽ của vai trò cá nhân.

Từ khóa: Tín ngưỡng Thiên Hậu, người Hoa, biến đổi văn hóa, vai trò của cá nhân, đền Thiên Hậu Hạ, Hưng Yên.

Dẫn nhập

Nghiên cứu về “tiếp biến văn hóa” trên thế giới được bắt đầu từ cuối thế kỷ XIX, với thuật ngữ ban đầu là “biến đổi văn hóa” (cultural change) của trường phái Anh, dần dần, phát triển thành “tiếp biến văn hóa” (acculturation) trong trường phái Nhân học Mỹ. Cho đến nay đã có hàng trăm công trình bàn về vấn đề này và đã gặt hái nhiều thành tựu như việc tương đối thống nhất trong định nghĩa về tiếp biến văn hóa, hay sự phong phú, đa chiều của nhiều quan điểm xung quanh một

* Viện Nghiên cứu Văn hóa, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

Ngày nhận bài: 10/11/2023; Ngày biên tập: 18/11/2023; Duyệt đăng: 27/11/2023.

vấn đề. Tuy nhiên, các nhà nghiên cứu vẫn đang tranh luận về một số vấn đề lý thuyết như: Mối quan hệ giữa văn hóa chủ nhà (host culture) với văn hóa của người nhập cư (nhóm thiểu số); vai trò của văn hóa tộc người (ethnicity), loại hình di cư và sự tương đồng giữa văn hóa di sản (heritage culture) với văn hóa tiếp nhận (receiving culture); các mô hình tiếp biến văn hóa (models of acculturation) và bối cảnh tiếp nhận (context of reception), tức những điều kiện lịch sử, chính trị, kinh tế của cộng đồng tiếp nhận đã tác động đến quá trình tiếp biến văn hóa như thế nào?[Phạm Phương Chi, Trần Tịnh Vy, 2020: 64-73].

Ở Việt Nam, chủ đề này mới được quan tâm trong khoảng 40 năm trở lại đây, từ góc nhìn của các nhà Khảo cổ học, Dân tộc học và Văn hóa học như Hà Văn Tấn (1981), Trần Quốc Vượng (1998), Huỳnh Quốc Thắng (2003), Ngô Đức Thịnh (2006), Nguyễn Xuân Kính (2013)... Các tác giả chủ yếu bàn về định nghĩa “tiếp biến văn hóa” trong khuôn khổ của một bài tạp chí hay giới thuyết khái niệm này trong một nghiên cứu liên quan.

Trong khoảng một thập niên trở lại đây, giới nghiên cứu văn hóa ở Việt Nam đã chú ý nhiều hơn đến chủ đề này. Một số tác giả như Phan Phương Anh – Đặng Hoài Giang (2017), Phạm Phương Chi - Trần Tịnh Vy (2020)... đã tổng quan những quan điểm lý thuyết và cách tiếp cận trong nghiên cứu về tiếp biến văn hóa của các học giả quốc tế từ những nguyên bản tiếng Anh hoặc Pháp nhằm truyền tải lý thuyết này về Việt Nam, giúp cho các nhà nghiên cứu trong nước có thể áp dụng lý thuyết này vào nghiên cứu của mình về chủ đề tiếp biến văn hóa. Nguyễn Thừa Hỷ đã phân tích tiếp biến văn hóa trong hội nhập quốc tế dưới góc nhìn của lý thuyết hệ thống, qua đó đề xuất cách tiếp cận tiếp biến văn hóa và hội nhập văn hóa trong tư duy phức hợp, đa chiều, thay thế cho tư duy sơ lược, đơn giản hóa trước đây. Tác giả Nguyễn Thị Hương lại xuất phát từ việc phân tích nội hàm của thuật ngữ “giao lưu, tiếp biến văn hóa” trong các khái niệm cũ và mới của giới nghiên cứu quốc tế cũng như trong nước, từ đó phân tích những nét mới trong giao lưu, tiếp biến văn hóa hiện nay, chỉ ra những vấn đề cần quan tâm để phát triển văn hóa Việt Nam trong bối cảnh mới, trong đó có chú ý đến tác động của giao lưu, tiếp biến văn hóa thế giới đến việc phát triển văn hóa dân tộc...

Biến đổi, giao lưu, tiếp biến văn hóa cũng trở thành một chủ đề thu hút sự quan tâm nghiên cứu của nhiều học giả thuộc lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn ở nước ta trong khoảng 15 năm trở lại đây. Thư viện Viện Văn hóa nghệ thuật Quốc gia Việt Nam lưu giữ 332 tài liệu, thư viện của Đại học Quốc gia Hà Nội lưu trữ 875 tài liệu liên quan đến chủ đề này, trong đó có khá nhiều luận văn, luận án (Phan Phương Anh - Đặng Hoài Giang, 2017: 3]. Đúng như hai tác giả này đã nhận xét, chất lượng của các nghiên cứu về chủ đề này không dồi dào như số lượng, ít có những phát hiện mới mẻ, thú vị do không vận dụng các khung phân tích hay các quan điểm lý thuyết, cách tiếp cận phù hợp (Phan Phương Anh - Đặng Hoài Giang, 2017: 3]

Nghiên cứu về tiếp biến văn hóa Việt - Hoa có một số bài viết được tập hợp trong cuốn *Bước đầu tìm hiểu sự tiếp xúc và giao lưu văn hóa Việt - Hoa trong lịch sử* [Phạm Đức Dương - Châu Thị Hải (Cb), 1998]. Mỗi tác giả tiếp cận vấn đề từ một khía cạnh khác nhau (làng nghề thủ công, kiến trúc, mỹ thuật, tranh dân gian...), qua việc chỉ ra những yếu tố văn hóa Hoa hiện diện trong đó để chứng minh cho sự tiếp xúc, giao lưu văn hóa này. Ngoài ra, nhiều nghiên cứu khác về văn hóa, tôn giáo, tín ngưỡng của người Hoa ở Việt Nam cũng chỉ ra những yếu tố văn hóa của các tộc người sở tại hiện diện trong đó để chứng minh quá trình tiếp biến văn hóa mà không chỉ ra những yếu tố nào tác động, ảnh hưởng đến quá trình này và ảnh hưởng ở những mức độ nào.

Tín ngưỡng dân gian là một thành tố văn hóa hấp dẫn, hàm chứa nhiều nét văn hóa đặc trưng, phản ánh bản sắc văn hóa của các tộc người. Một số tác giả (Nguyễn Ngọc Thơ, Huỳnh Ngọc Trảng, Trần Hồng Liên, Trần Hạnh Minh Phương, Nguyễn Thái Hòa...) khi nghiên cứu về tín ngưỡng dân gian của người Hoa ở miền Nam Việt Nam đều có chung nhận định rằng, Thiên Hậu cùng với Quan Công và thần Tài là ba vị thần nổi bật trong tín ngưỡng dân gian của người Hoa và là những hạt nhân tạo nên bản sắc văn hóa tộc người Hoa. Bởi vậy, chúng tôi lựa chọn nghiên cứu sự biến đổi của tín ngưỡng Thiên Hậu để làm rõ quá trình tiếp biến văn hóa Hoa - Việt trong tín ngưỡng này, tại một số địa phương thuộc miền Bắc Việt Nam (Hà Nội, Nam Định, Hưng Yên). Kết quả cho thấy, quá trình tiếp biến văn hóa, ngoài việc chịu tác động của các yếu tố như văn hóa tộc người, loại hình di cư, sự

tương đồng văn hóa Hoa - Việt, điều kiện lịch sử, kinh tế, chính trị... của Việt Nam, như trong lý thuyết nêu trên, quá trình này còn có thể chịu ảnh hưởng mạnh mẽ từ vai trò của cá nhân. Kết quả nghiên cứu này minh chứng thêm cho luận điểm về những nhân tố tác động đến cách thức và nhịp độ tiếp biến văn hóa trong lý thuyết về tiếp biến văn hóa nêu trên. Trong phạm vi bài viết này, chúng tôi chọn nghiên cứu một trường hợp tiêu biểu là tín ngưỡng Thiên Hậu ở đền Thiên Hậu Hạ, thuộc Phố Hiến, thành phố Hưng Yên.

1. Khái quát về địa bàn nghiên cứu

Thiên Hậu là một nữ thần biển nổi tiếng của người Hoa. Tín ngưỡng này ra đời từ thế kỷ thứ X, trên đảo Mi Châu, thuộc tỉnh Phúc Kiến, dần dần phát triển, lan tỏa ra khắp Trung Quốc rồi theo bước chân của di dân Hoa tới nhiều nơi trên thế giới, đông nhất là vùng Đông Nam Á. Ở Việt Nam, qua các tư liệu mà chúng tôi tiếp cận được (*Hải ngoại ký sự, Hoàng Việt nhất thống dư địa chí, Đại Nam nhất thống chí, Đồng Khánh địa dư chí, Hưng Yên tỉnh nhất thống chí...*) và kết quả khảo sát thực địa cho thấy, đến thế kỷ XVI, tín ngưỡng này mới bắt đầu du nhập. Ở Phố Hiến, đợt di cư đầu tiên của người Hoa tới đây vào thế kỷ XIII nhưng đến cuối thế kỷ XVI (năm 1590) mới xuất hiện một đền thờ Thiên Hậu, chính là ngôi đền Thiên Hậu Hạ ngày nay. Năm mươi năm sau, người Hoa ở đây xây thêm một ngôi đền nữa, có tên là đền Thiên Hậu Thượng, cách đó chưa đầy 2km và to, đẹp hơn ngôi đền cũ.

Đền Thiên Hậu Hạ và đền Thiên Hậu Thượng đều thuộc địa phận của Phố Hiến xưa, hiện nay thuộc khu vực từ thôn Đăng Châu, phường Lam Sơn đến thôn Nễ Châu, phường Hồng Châu, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên. Bởi vậy, địa bàn nghiên cứu này đã được chúng tôi khái quát trong bài viết: “Quá trình tiếp nhận một số tín ngưỡng người Việt vào tục thờ Thiên Hậu của người Hoa: Lục bối cảnh trong tiếp biến văn hóa (Trường hợp đền Thiên Hậu Thượng phố ở Phố Hiến, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên)”, đăng trên Tạp chí *Nghiên cứu Tôn giáo*, Quyển 25, số 7 (233), 2023. Do đó, chúng tôi xin không nhắc lại nội dung này nữa mà chỉ bổ sung thêm một vài nhận xét như sau: Trải qua nhiều đời kết hôn và sinh sống cùng cộng đồng người Việt, cho đến nay, người Hoa ở Phố Hiến đã trở thành người Việt, đã Việt hoá trên nhiều phương diện như huyết thống, trang

phục, ngôn ngữ, nhà ở, phong tục, tập quán... Họ sống rải rác, xen lẫn với người Việt và chủ yếu làm các nghề buôn bán, sửa chữa cơ khí, điện tử, làm thuốc... Hầu hết, họ không biết tiếng Trung và không còn mối quan hệ thân tộc nào ở Trung Quốc nữa. Khi kê khai trong các giấy tờ tùy thân, họ đều nhận mình là dân tộc Việt/Kinh có người ghi thêm gốc Hoa, hoặc gốc Minh Hương, có người không ghi.

2. Đền Thiên Hậu Hạ và quá trình biến đổi của tín ngưỡng thờ Thiên Hậu

Đền Thiên Hậu Hạ có tên chữ là “Thiên Hậu cung”, nằm kề hội quán Đông Đô và hợp thành một cụm công trình, tọa lạc tại đường Phố Hiến, phường Hồng Châu, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên hiện nay. Cụm công trình này do cộng đồng người Hoa ở Phố Hiến xây dựng vào năm 1590, với vật liệu mua ở Việt Nam, thuê thợ người Việt thiết kế, xây dựng, nhưng các tượng và đồ thờ được đem từ Trung Quốc sang¹. Bởi vậy mà cụm công trình này có nhiều nét ảnh hưởng từ kiến trúc Việt như: có bức bình phong chắn phía trước, các bờ nóc đắp bằng xi măng theo một đường thẳng, không trang trí gì, chỉ tạo dáng đuôi cá ở hai đầu, bộ mái của công trình được lợp bằng ngói màn (kiểu ngói của người Việt), không có các quần thể tiểu tượng gốm trang trí, đặc biệt, công trình được bố cục theo hình chữ tam Hán tự (≡)... chứ không bố cục theo kiểu tứ hợp viện của kiến trúc Hoa truyền thống.

Hội quán Đông Đô là “trụ sở hành chính”, đồng thời là nơi thờ cúng chung của cộng đồng người Hoa nơi đây. Hội quán thờ ba vị nam thần, gồm: thần Y, thần Nông và thần của nghề thủ công (Hoa Quang Đại đế). Ngày nay, nhân dân trong vùng gọi đây là “đền Đông Đô” hoặc “đền Tam Thánh”, không còn ai gọi là hội quán nữa.

Đền Thiên Hậu gồm ba tòa: Tiền điện, đại bái và chính điện, nằm song song với nhau tạo thành hình chữ tam – Hán tự (≡). Tiền điện được thiết kế đồng thời là tam quan, gồm ba gian với ba cửa ra vào hình chữ nhật ở mặt trước, mặt sau để thoáng, hai bên có hai ban thờ. Qua tiền điện là một khoảng sân rộng rồi đến tòa đại bái, có ban thờ công đồng đặt ở chính giữa. Giữa đại bái và chính điện là một khoảng sân rộng chừng 1m, được làm mái che, hai bên thờ Thanh long và Bạch hổ, ở giữa có một cây hương lớn bằng đồng. Theo thời gian và chiến tranh tàn phá, tòa chính điện của đền bị xuống cấp nghiêm trọng

và có nguy cơ bị sập. Năm 1975, Ban Quản lý đền cùng các cụ cao niên trong làng Bắc Hòa Minh Hương bàn bạc, tìm nguồn kinh phí sửa chữa chính điện, đến năm 2004, Nhà nước cho trùng tu thì mới xây lại tiền điện, phục dựng kiến trúc cũ nhưng vật liệu bằng xi măng (pvs, nữ, 53 tuổi, tại đền Thiên Hậu Hạ, Hưng Yên, ngày 13/8/2019).

Tòa chính điện thờ Thiên Hậu ở gian giữa, có hai thị nữ đứng hai bên, phía trước có hai cận vệ là Thiên Lý Nhân và Thuận Phong Nhĩ. Hai gian bên của chính điện thờ Thổ địa và ban Cầu tự. Ngày nay, dân trong vùng thường gọi đây là “đền Mẫu”, “cung Mẫu”, số ít gọi là “đền Thiên Hậu Hạ”, “đền Thiên Hậu” hoặc “đền Hạ”.

Hội quán Đông Đô và đền Thiên Hậu Hạ do nhóm người Hoa quê ở Phúc Kiến, Quảng Đông, Quảng Tây, Trung Quốc di cư đến Phố Hiến từ thời nhà Minh xây dựng lên. Nhóm người Hoa được chính quyền xứ Sơn Nam cấp cho hơn 27 mẫu đất để họ làm nhà ở và xây dựng chùa, đền, miếu [Trương Hữu Quýnh 1992: 40-41] tạo thành làng Bắc Hòa Minh Hương. Trong suốt thời kỳ phong kiến, hai đền do cộng đồng người Hoa ở làng Bắc Hòa Minh Hương quản lý, trông coi và tổ chức mọi sinh hoạt tín ngưỡng trong các dịp lễ tiết theo phong tục truyền thống của họ. Thuở đó, người Hoa có tiềm lực kinh tế mạnh, lại có ruộng công của làng và tiền cho thuê chỗ ở tại hội quán nên các sinh hoạt tôn giáo, tín ngưỡng đều được họ tổ chức rầm rộ. Thời kỳ kháng chiến chống Pháp từ 1945 đến 1954, Phố Hiến bị chiến tranh tàn phá nặng nề, rồi đến kháng chiến chống Mỹ (1954 - 1975) và tiếp đó là các sự kiện diễn ra vào năm 1978, 1979, khiến cho mọi sinh hoạt tín ngưỡng của đền bị chìm lắng. Các dịp lễ, tiết, hội hè thường được tổ chức rất đơn giản và có nhiều năm không được tổ chức. Thường ngày, có một người thủ nhang trông coi và lo việc hương khói cho đền. Ban Quản lý đền là những người ở làng Bắc Hòa Minh Hương (đã trở thành người Việt gốc Hoa) vẫn tồn tại nhưng rất ít hoạt động.

Từ khi bắt đầu thời kỳ Đổi mới (năm 1986), cùng với chính sách mở cửa nền kinh tế thị trường, Nhà nước ban hành một số chính sách cởi mở hơn với tôn giáo, tín ngưỡng, cho phép khôi phục các di tích và mở lại lễ hội thì các sinh hoạt tín ngưỡng tại các đình, chùa, đền, miếu ở Phố Hiến mới dần dần được phục hồi. Với các di tích của người Việt gốc Hoa ở đây thì sự phục hồi này còn được xúc tác thêm bởi việc bình thường hóa quan hệ ngoại giao giữa hai nước Việt –

Trung vào năm 1991 và việc tăng cường, phát triển mối quan hệ này từ đó cho đến nay. Riêng với đền Thiên Hậu Hạ, sự phục hồi này được thúc đẩy thêm từ khi nó được công nhận là *Di tích kiến trúc văn hoá cấp Quốc gia* theo Quyết định số 3959, ngày 2/12/1992 của Bộ Văn hoá Thông tin. Ngay sau đó (từ ngày 10-11/12/1992), một cuộc hội thảo quốc tế về Phố Hiến được tổ chức tại đây với sự tham gia của nhiều học giả trong nước và quốc tế. Đây là một sự kiện lớn của Phố Hiến và có ảnh hưởng không nhỏ tới “vận mệnh” các di tích của người Hoa xưa ở nơi đây. Ngay sau sự kiện này, Ban Quản lý đền được bầu lại và có sự tham gia của người Việt, bao gồm một đại diện của Tổ Dân phố, một đại diện của Hội Phụ nữ, một đại diện của Đoàn Thanh niên, một đại diện của Ban Công tác mặt trận khu phố. Lúc này, Ban Quản lý đền chỉ còn một người Việt gốc Hoa là bố của chị Nga, bởi ông chính là người đại diện cho Ban Công tác mặt trận khu phố, và một thủ nhang là chị Nga - người Việt gốc Hoa. Đến năm 2006, vị đại diện cho Ban Công tác Mặt trận Tổ quốc khu phố nói trên qua đời, chính quyền cử một người trong Ủy ban Nhân dân phường sở tại thay thế, làm Trưởng ban.

Từ năm 1992 đến 2017, đền thuộc sự quản lý của phường, mọi hoạt động của đền đều phải xin phép chính quyền. Ban Quản lý đền trực tiếp lo việc tổ chức các lễ, tiết cho đền. Nhiều người dân chủ động và tự nguyện đóng góp công sức vào việc chuẩn bị lễ hội. Từ thời kỳ này, các thành phần tham gia vào tín ngưỡng chủ yếu là người Việt, người Việt gốc Hoa còn lại ở Phố Hiến rất ít và dần dần họ cũng ít tham gia hơn.

Một nhân tố góp phần không nhỏ vào việc thúc đẩy quá trình phục hồi di tích, lễ hội, bảo tồn và phát huy giá trị của các di sản văn hóa ở Phố Hiến là quan điểm và các chính sách đối với di sản văn hóa của chính quyền địa phương. Từ khi tái lập tỉnh Hưng Yên vào năm 1997, lãnh đạo tỉnh đã quan tâm và có những chính sách nhằm tăng cường các nguồn lực cho công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa của tỉnh. Chẳng hạn, trong Nghị quyết 05/NQTV ngày 17/6/1997 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy có nội dung: “Chú ý tu bổ, tôn tạo các di tích lịch sử và văn hóa, tổ chức quản lý các lễ hội, động viên, giáo dục mọi người giữ, bảo vệ di tích lịch sử, cảnh quan văn hóa của mỗi địa phương”, hay Chỉ thị số 28/CT-UBND tỉnh, ngày 25/7/1997 về việc quản lý, bảo vệ và sử dụng di tích lịch sử, văn hóa và danh lam thắng

cảnh [Nguyễn Khắc Hào - Nguyễn Đình Nhã, 2016: 524]. Đến năm 2004, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ra Chương trình hành động số 99/CTr-TU, ngày 31/8 về việc “tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VIII)”, trong đó có ba nội dung về công tác bảo tồn, phát huy giá trị của di sản. Cùng ngày này (31/8/2004), Ủy ban Nhân dân tỉnh cũng ra Quyết định số 2142/QĐ-UBND, ban hành kèm theo Quy chế về việc xếp hạng di tích lịch sử văn hóa, danh lam thắng cảnh cấp tỉnh [Nguyễn Khắc Hào - Nguyễn Đình Nhã 2016: 524]. Những chính sách này đã khiến cho đền Thiên Hậu Hạ cũng như nhiều di tích khác trên địa bàn được quan tâm hơn, được trùng tu, tôn tạo, lễ hội được phục hồi và ngày càng được tổ chức rầm rộ hơn.

Đến năm 2014, một sự kiện đã dẫn đến sự thay đổi lớn trong cách quản lý và tổ chức lễ hội ở đền Thiên Hậu Hạ, đó là việc Thủ tướng Chính phủ ra Quyết định số 2408/QĐ-TTg, ngày 31/12/2014, xếp hạng Khu Di tích Quốc gia đặc biệt cho quần thể gồm 16 di tích tiêu biểu của Phố Hiến, trong đó có hai ngôi đền thờ Thiên Hậu và hội quán Đông Đô. Đến năm 2017, Ủy ban Nhân dân tỉnh Hưng Yên ra Quyết định số 2156/QĐ-UBND, ngày 28/7 về việc thành lập Ban Quản lý Khu Di tích Quốc gia đặc biệt, trực thuộc Ủy ban Nhân dân thành phố Hưng Yên và đi vào hoạt động từ tháng 11/2017. Cũng từ đó, Ban này trực tiếp quản lý và tổ chức mọi hoạt động của 16 di tích nói trên. Các chi phí duy trì hoạt động của đền như trả lương cho thủ nhang, bảo vệ, tiền điện, nước, tiền mua đồ lễ, kinh phí tổ chức lễ hội... đều do Ban Quản lý mới chi trả. Các nhân viên của Ban quản lý làm việc và nhận lương như một viên chức Nhà nước. Hằng năm, Ban Quản lý lập dự toán kinh phí hoạt động nộp lên Ủy ban Nhân dân thành phố Hưng Yên để được duyệt và cấp kinh phí. Lễ hội được Ban Quản lý đứng ra tổ chức, lo liệu mọi việc như mời các cơ quan, tổ chức đến dự hội, lên chương trình cho lễ hội, làm lễ khai mạc, chuẩn bị lễ phẩm cúng, mời thầy cúng làm lễ, đón tiếp người dân đến dự... Đặc biệt, Ban Quản lý cũng xây dựng một lịch lễ tiết mới chung cho cả đền Tam Thánh và đền Thiên Hậu Hạ, trong đó, ngoài hai ngày sinh nhật và kỵ nhật Thiên Hậu thì còn bốn lễ: Thượng nguyên (ngày 10/1 âm lịch), Vào hè (ngày 01/4), Ra hè (ngày 01/7) và lễ Tất niên (được chọn trong khoảng thời gian từ ngày 10 đến 20/12 âm lịch). Cả bốn lễ này đều là bốn lễ lớn trong năm của tín ngưỡng Tam, Tứ phủ của người Việt. Đồng thời, lễ cúng Tam thánh (tức ba vị thần ở hội

quán Đông Đô) vào ngày 10/10 âm lịch hàng năm đã bị lược bỏ. Qua so sánh, chúng tôi nhận thấy, các lễ tiết này giống hệt lịch của đền Thiên Hậu Thượng, chỉ khác nhau về ngày thực hiện của bốn lễ: Thượng nguyên (mùng 8/1 âm lịch), Vào hè (ngày 8/4), Ra hè (ngày 15/7) và lễ Tắt niên (23/12 âm lịch). Đáng chú ý, ở cả hai lịch lễ tiết này, Thiên Hậu được gọi là “Thánh mẫu” hoặc “Đức Thánh mẫu”, giống với cách gọi các mẫu thần trong điện thần Tứ phủ.

Như vậy, trải qua một quá trình cộng cư lâu dài cùng người Việt, dưới tác động của hoàn cảnh lịch sử, kinh tế, văn hóa, xã hội, quan hệ ngoại giao Việt - Trung, các chính sách đối với di sản văn hóa của địa phương... tín ngưỡng thờ Thiên Hậu ở đền Thiên Hậu Hạ đã có những biến đổi nhất định, tiếp nhận nhiều yếu tố văn hóa của người Việt. Tuy nhiên, xu hướng và nhịp độ biến đổi của tín ngưỡng này trở lên rất mạnh mẽ từ khi chị Nga làm thủ nhang của ngôi đền.

3. Vai trò của thủ nhang đối với quá trình biến đổi của tín ngưỡng Thiên Hậu

3.1. Vai trò của thủ nhang đối với những biến đổi của di tích

Chị Nga sinh năm 1966, coi đền từ năm 2003 và là đời thứ tư trong một gia đình chuyên trông coi ngôi đền này. Cụ nội của chị coi đền đến khoảng năm 1976 thì nghỉ và giao lại cho con dâu là bà nội của chị. Bà nội chị trông nom từ đó đến năm 2003 thì nghỉ và chị thay thế bà nội làm thủ nhang từ đó đến nay. Bố của chị Nga tham gia vào Ban Quản lý đền khoảng từ năm 1970 đến khi ông mất vào năm 2006. Ông từng làm Phó Chủ nhiệm Hợp tác xã từ năm 1969 đến 1972, từ năm 1982 đến 2006 ông được bầu làm Trưởng ban Công tác Mặt trận Tổ quốc khu phố (pvs, nữ, 53 tuổi, tại đền Thiên Hậu Hạ, Hưng Yên, ngày 13/8/2019). Dòng họ nhà chị di cư đến đây từ thời nhà Minh, là một trong bốn dòng họ lớn của người Hoa xưa còn ở lại Phố Hiến cho đến nay và đã trở thành người Việt gốc Hoa.

Chị Nga là người có “căn cao số nặng”, năm 13 tuổi đã thích theo người nhà đi lễ ở các đền, chùa. Đến năm 2003, chị quyết định làm lễ trình đồng, mở phủ. Sau khi trình đồng được 100 ngày thì chị xin làm thủ nhang cho đền. Từ đó, ngôi đền cũng trở thành nơi để chị lên đồng. Chị tìm mua ba cặp: hoàng xà, thanh xà, bạch xà về quán trên xà nóc của ba tòa: tiền đường, thiêu hương và chính điện. Chị cũng mua những bộ nón công đồng để treo phía trên các ban thờ và đôi quạt

hầu treo trên tường của hai bên chính điện (Ảnh 1). Đây là những vật trang trí đặc trưng ở nơi thờ Tam, Tứ phủ, trong đó, chiếc quạt là một trong ba vật dụng không thể thiếu khi lên đồng (gồm: gương, khăn đỏ phủ mặt và chiếc quạt giấy).



Ảnh 1: Chiếc quạt hầu treo trên tường ở hai bên tòa chính điện
Nguồn: Phan Thị Hoa Lý, chụp ngày 22/04/2022

Chị cũng thường kêu gọi quyên góp, tiến cúng từ người dân mà trong đó, phần lớn là từ các con nhang, đệ tử của chị để tu sửa dần cho hai ngôi đền. Năm 2012, chị quyên góp để đúc lại chuông cho đền Thiên Hậu Hạ, nặng 120kg và hai quả chuông mõ, mỗi quả nặng 20kg, dùng cho hai đền. Năm 2015-2016, chị cho thay hết các ban thờ, bệ thờ bê tông bằng ban thờ, bệ thờ gỗ, bởi theo chị, ban, bệ thờ bằng bê tông sẽ không linh thiêng. Đến năm 2018, chị Nga lại kêu gọi quyên góp, công đúc để đúc chuông cho đền Đông Đô, nặng 344kg. Những năm gần đây, chị thay mới tất cả các bộ cửa võng của hai ngôi đền. Đặc biệt, bộ khám thờ Thiên Hậu cũng được thay mới, tượng Thiên Hậu cùng hai nữ hầu được thếp vàng, ban thờ được trang trí tàn che, quạt vả, hoa vàng, hoa bạc (pvs, nữ, 53 tuổi, tại đền Thiên Hậu Hạ, Hưng Yên, ngày 13/8/2019). Đây là cách trang trí phổ biến trong các điện, phủ thờ Mẫu của người Việt. Phía trước ban công đồng, nơi gần cửa chính điện có một ban thờ nhỏ, trên đặt bát hương và được gắn một chiếc gương lớn, phủ vải điều. Hai bên ban thờ này bày

chuông và mõ, ở giữa đặt một chiếc hộp gỗ nhỏ, bên trong chứa các vật dụng cần thiết để hành lễ như đồng xu, chiếc đĩa để xin đài... (Ảnh 2). Đây là vị trí chị Nga thường lên đồng hoặc làm lễ cúng cho khách và những đồ vật được bài trí ở đây chính là những món “đồ nghề” không thể thiếu của chị khi lên đồng.



Ảnh 2: Ban thờ Thiên Hậu trong đền Thiên Hậu Hạ

Nguồn: Phan Thị Hoa Lý, chụp ngày 23/4/2022

Ngoài ra, các con nhang, đệ tử hoặc bạn bè của chị Nga cũng tiến cúng cho hai đền một số hiện vật. Năm 2012, một con nhang của chị tiến cúng cho đền Đông Đô bộ đèn chùm trị giá 22.000.000đ, đến năm 2017, người này lại tiến cúng một đôi lộc bình bằng gỗ rất to (pvs, nữ, 53 tuổi, tại đền Thiên Hậu Hạ, Hưng Yên, ngày 13/8/2019).

Như vậy, những đóng góp của chị Nga trong việc huy động kinh phí, đã khiến cho diện mạo của di tích thay đổi rõ rệt. Tuy nhiên, những đồ trang trí được chị Nga đưa vào đền như các cặp rắn quấn trên xà nhà, đôi quạt hầu, cảnh vàng, lá bạc, bộ nón công đồng, tấm gương lớn phủ vải điều... đều là những đồ trang trí, những vật dụng đặc trưng trong tín ngưỡng Tam, Tứ phủ của người Việt. Bởi vậy mà việc trang trí này đã khiến cho đền Thiên Hậu Hạ nhìn giống với một điện Mẫu Tứ phủ.

3.2. Vai trò của thủ nhang đối với sự biến đổi về thần điện

Không chỉ tu bổ, tôn tạo cơ sở vật chất của di tích, chị Nga còn có những điều chỉnh về thần điện. Chị đã cải tạo hai ban thờ Cô và Cậu ở

hai bên tam quan. Chị kể, khi chị xin làm thủ nhang vào năm 2003 thì hai ban thờ đó chỉ có bát hương chứ không có bài vị, không có tượng và bát hương cũng không khắc ghi gì nên chị không biết hai ban thờ ai. Đến khoảng năm 2013, chị cho lập hai bát hương khác và mua tượng Cô, tượng Cậu đặt vào đó thờ còn hai bát hương cũ được đem thả xuống sông (pvs, nữ, 53 tuổi, tại đền Thiên Hậu Hạ, Hưng Yên, ngày 09/10/2019). Chị Nga cũng cho treo rèm vải che chắn hai ban thờ, khiến cho nó khá giống với ban Cậu, ban Cô trong điện thần Tứ phủ (Ảnh 3). Sự thay đổi này đã làm thay đổi nhận thức của người dân về hai vị thần này. Trong những đợt đền dã vào các năm 2007, 2008 và 2011, tôi được người coi đền và một số người dân giải thích rằng, ban Cô và ban Cậu là nơi để cầu con, muốn sinh được con trai thì cầu ở ban Cậu còn muốn sinh con gái thì cầu ở ban Cô. Tuy nhiên, khi đền dã lại vào năm 2019 thì nhiều người nói rằng, đó là nơi thờ các cô như cô Bơ, cô Bé và các cậu như ông Hoàng Bảy, ông Hoàng Mười²...



Ảnh 3: Ban thờ Cô ở tiền điện đền Thiên Hậu Hạ
Nguồn: Phan Thị Hoa Lý, chụp ngày 23/4/2022

Chị Nga cũng điều chỉnh số lượng tượng ở Ban Cầu tự tại tòa chính điện cho phù hợp với chính sách dân số của Nhà nước theo từng thời kỳ. Năm 2008, Ban Cầu tự có tượng một gia đình bốn người (tượng cha bé bé trai, tượng mẹ bé bé gái). Hỏi chuyện chị Nga, tôi được biết, *“từ khi Nhà nước có chính sách mỗi cặp vợ chồng chỉ đẻ hai con thì chúng tôi thờ mô hình gia đình hai con, một trai, một gái, còn trước đó thì là bốn con, hai trai, hai gái”* (pvs, nữ, 53 tuổi, tại đền Thiên Hậu Hạ, Hưng Yên, ngày 24/5/2008). Tuy nhiên, đền dã lại vào năm

2010, khi chính sách mỗi cặp vợ chồng chỉ đẻ hai con của Nhà nước ta đã được nới lỏng thì chúng tôi thấy tượng nam bé hai đứa trẻ còn tượng nữ thì bé ba. Khi tôi hỏi về sự thay đổi này, chị Nga giải thích: *“làm thế là để cầu con đàn cháu đống”* (pvs, nữ, 53 tuổi, tại đền Thiên Hậu Hạ, Hưng Yên, ngày 28/4/2010). Số lượng năm tượng ở ban cầu tự này vẫn được duy trì cho đến nay.

Chị Nga cũng gọi đền Thiên Hậu Hạ là “đền Mẫu”, “cung Mẫu”. Các dịp lễ hội kỷ niệm ngày sinh, ngày hóa của Thiên Hậu được chị gọi là “ngày tiệc Mẫu”. Đây là những “thuật ngữ” đặc trưng trong tín ngưỡng Tam, Tứ phủ. Các con nhang, đệ tử của chị cũng gọi theo như vậy.

Như vậy, người thủ nhang của đền đã có những điều chỉnh về thần điện của đền. Sự điều chỉnh này nhằm phù hợp và cổ vũ cho một chính sách xã hội của chính quyền sở tại (Ban Cầu tự trong chính điện) nhưng cũng có sự điều chỉnh khiến cho tín ngưỡng Thiên Hậu ở ngôi đền này biến đổi theo hướng tiếp nhận, tích hợp tín ngưỡng Tứ phủ - một tín ngưỡng dân gian đặc trưng của người Việt.

3.3. Vai trò của thủ nhang đối với sự biến đổi về nghi lễ

Từ khi làm thủ nhang, dịp lễ hội, chị Nga biện lễ cúng Thiên Hậu theo kiểu “trên chay dưới mặn”, nghĩa là ở ban thờ Bà thì cúng chay (cơm nắm, muối vừng, xôi, chè) còn ở phía trước Ban Công đồng, nơi thầy cúng làm lễ, chị soạn một mâm cỗ mặn. Dịp lễ hội, chị cũng cho lập Ban Sơn trang bên cạnh Ban Công đồng ở tòa chính điện. Sau khi làm lễ cúng Mẫu ở trước Ban Công đồng, thầy cúng sẽ làm lễ cúng ở Ban Sơn trang và buổi chiều, chị Nga sẽ hầu đồng ở vị trí mà thầy cúng làm lễ với rất nhiều đồ mã. Chị thường hầu các giá: Mẫu Đệ Nhất, Mẫu Đệ Nhị, Mẫu Đệ Tam, Mẫu Thoải, giá Quan Đệ Ngũ (Quan lớn Tuần Tranh), ông Hoàng Mười, Châu Lục, cô Bơ, cô Chín... Chị Nga giải thích, đây là ngày “tiệc Mẫu” nên chị hầu đồng cho Mẫu vui.

Trước lễ hội, nhà đền bao sái tất cả các tượng và lau chùi các ban thờ cho sạch sẽ. Theo kết quả khảo sát của chúng tôi [Phan Thị Hoa Lý, 2018], tại những nơi thờ Thiên Hậu ở miền Trung và Nam Việt Nam, hầu hết, phụ nữ đảm nhiệm công việc này. Đền Thiên Hậu Hạ, theo lời kể của chị Nga, xưa kia cũng nhờ mấy người phụ nữ bao sái tượng nhưng từ khi chị làm thủ nhang thì chị lại nhờ một số trai tân

làm công việc này. Khi tôi hỏi tại sao lại làm như vậy thì chị trả lời: “Con trai nó sạch sẽ chứ con gái nó ւế tạp” (pvs, nữ, 53 tuổi, tại đền Thiên Hậu Hạ, Hưng Yên, ngày 13/8/2019). Nhưng mấy năm gần đây, thấy đám trai chưa vợ có một số người hư hỏng, quậy phá nên chị nhờ thầy cúng. Chị kể: “Trước cứ nhờ những đứa chưa vợ nó lên bao sái, giờ thì nhiều đứa chưa vợ nó cũng ma cô lắm nên chị nhờ thầy cúng bao sái luôn” (pvs, nữ, 53 tuổi, tại đền Thiên Hậu Hạ, Hưng Yên, ngày 13/8/2019). Nghi thức cúng Thiên Hậu cũng được thay đổi, theo kiểu của người Việt. Sau khi đồ cúng đã được bày biện lên các ban thờ, thầy cúng sẽ ngồi cúng trước Ban Công đồng ở tòa chính điện. Ông mặc trang phục của thầy cúng, màu nâu và đọc bài khoa cúng Phật Thánh.

Trong khoảng thời gian từ năm 2003 cho đến cuối năm 2017, chị Nga là người lo tổ chức các lễ tiết cho đền, các chi phí do chị lo liệu. Từ năm 2018 đến nay, khi đền này thuộc sự quản lý của Ban Quản lý Khu Di tích quốc gia đặc biệt thì các dịp lễ, tiết, Ban Quản lý lo việc mua sắm hoa, quả, đồ cúng và tổ chức lễ hội. Tuy nhiên, chi phí được cấp cho hoạt động này khá ít, chị Nga cùng các con nhang đệ tử của mình thường đóng góp thêm tiền để tổ chức lễ hội rầm rộ, trang trọng hơn nên về sau, Ban Quản lý thường giao cho chị Nga khoản kinh phí đó để chị chủ động mua sắm, chuẩn bị cho lễ hội ở cả đền Thiên Hậu Hạ và hội quán Đông Đô. Chị Nga kể: “23/3 tiệc Mẫu người ta mở ở đền trên (tức đền Thiên Hậu Thượng - P.T.H.L chú) còn dưới này, Ban Quản lý giao cho tôi ba triệu hai (3.200.000đ) lo mọi hương hoa, xôi thịt hai đền” (pvs, nữ, 53 tuổi, tại đền Thiên Hậu Hạ, Hưng Yên, ngày 13/8/2019). Cũng bởi lý do này mà chị Nga thường thu xếp làm lễ cho các con nhang, đệ tử của mình giáp ngày lễ hội nhằm làm cho không khí ngôi đền thêm đông vui và cũng để khích lệ họ tiến cúng cho đền, đồng thời, hoa tươi dùng trong những lễ cúng này sẽ được giữ lại trang trí cho đền. Một người từng tham gia vào Ban Quản lý đền thời kỳ trước năm 2017 cho tôi biết: “Trước dịp lễ hội, cô Nga làm lễ cho mấy con nhang đệ tử và những hoa đó để luôn dùng cho lễ hội chứ Ban Quản lý chỉ 800.000đ – 1.000.000đ tiền hoa mà cô Nga cắm hoa hai đền hết 4.000.000 – 5.000.000đ” (pvs, nam, 68 tuổi, người dân tại đền Thiên Hậu Hạ, Hưng Yên, ngày 13/8/2019).

Từ năm 2018, các lễ hội ở hai đền Thiên Hậu Hạ và Đông Đô được Ban Quản lý Khu Di tích quốc gia đặc biệt tổ chức. Ban này sẽ xây dựng chương trình lễ hội, ra thông báo cho nhân dân biết và mời các cơ quan, tổ chức trên địa bàn tới dự. Vào ngày lễ, ban quản lý này cất đặt công việc cho các nhân viên, như người dẫn chương trình, người ghi chép sổ công đức, hay đón tiếp người tham dự và phát lộc cho những người công đức cho đền... Chị Nga vẫn là người mua sắm đồ lễ và mời thầy về làm lễ cúng Mẫu. Thông thường, Ban Quản lý sẽ tổ chức khai mạc lễ hội vào buổi sáng, sau đó thầy cúng làm lễ cúng Mẫu ở trước ban công đồng trong tòa chính điện và buổi chiều, chị Nga sẽ hầu một số giá đồng với ý nghĩa “để hầu Mẫu, để làm cho Mẫu vui”. Có thể thấy, những đóng góp nêu trên của thủ nhang đã khiến cho nghi lễ thờ cúng Thiên Hậu dần trở nên giống với nghi lễ thờ cúng các thánh Mẫu trong điện thần Tứ phủ.

Ngoài ra, trên hành trình nghiên cứu về tín ngưỡng thờ Thiên Hậu của người Hoa ở miền Bắc nước ta, chúng tôi còn bắt gặp hai trường hợp tương tự. Đó là hai hội quán của người Hoa có thờ Thiên Hậu ở thành phố Nam Định (hội quán Phúc - Triều - Huệ và hội quán Quảng Đông), nay đã trở thành đền Hàng Sắt và đền Hội Quảng. Mỗi ngôi đền đều có một cá nhân tự bỏ tiền ra để trùng tu, sửa chữa di tích và điều chỉnh từ điện thần, trang trí đến nghi thức thờ cúng các vị thần trong đền, khiến cho các thực hành tín ngưỡng ở mỗi ngôi đền biến đổi theo một cách thức và nhịp độ khác nhau, tiếp nhận những tôn giáo, tín ngưỡng sở tại khác nhau.

Kết luận

Cho đến nay, tín ngưỡng thờ Thiên Hậu ở đền Thiên Hậu Hạ đã biến đổi mạnh mẽ trên nhiều phương diện: di tích, trang trí, điện thần, nghi lễ, cách thức quản lý và tổ chức lễ hội, thành phần tham gia thực hành tín ngưỡng... Quá trình biến đổi này diễn ra trong một thời gian dài, dưới ảnh hưởng của các yếu tố: hoàn cảnh lịch sử, kinh tế, văn hóa, xã hội cùng các chính sách của chính quyền đối với tôn giáo, tín ngưỡng của Phố Hiến nói riêng, Việt Nam nói chung. Quá trình biến đổi này có nhịp độ và cách thức khác nhau, do các tác nhân khác nhau ở mỗi thời kỳ.

Tuy nhiên, với trường hợp đền Thiên Hậu Hạ, kết quả khảo sát và phân tích nêu trên cho thấy, từ khi chị Nga làm thủ nhang, những

đóng góp của chị đã khiến cho sự biến đổi này diễn ra mạnh mẽ hơn với một nhịp độ nhanh hơn và trên nhiều phương diện, thể hiện rõ khuynh hướng “Tứ phủ hóa” tín ngưỡng thờ Thiên Hậu ở di tích này. Khuynh hướng biến đổi này có căn nguyên từ việc thủ nhang là một bà đồng và ngôi đền là nơi chị hành lễ.

Nghiên cứu này cũng cho thấy, ngoài các yếu tố: loại hình di cư, văn hóa tộc người, sự tương đồng văn hóa, bối cảnh tiếp nhận (context of reception)... ảnh hưởng đến cách thức và nhịp độ tiếp biến văn hóa thì trong một số trường hợp, cá nhân nổi trội cũng giữ một vai trò không nhỏ đối với quá trình tiếp biến này./.

CHÚ THÍCH:

- 1 Theo trao đổi với ông Quảng (83 tuổi), ngày 23/3/2019 và ông Hùng (78 tuổi) ngày 7/8/2019, tại Phố Hiến. Tên các nhân vật trong bài viết đã được thay đổi theo nguyên tắc ẩn danh trong nghiên cứu khoa học.
- 2 Tư liệu phỏng vấn của tác giả, tháng 7, 8/2019 tại Phố Hiến.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Phan Phương Anh, Đặng Hoài Giang (2017), “Biến đổi văn hóa: Khái niệm và một số cách tiếp cận nghiên cứu”, đăng trên Tạp chí Văn hóa học, số 6 (34), tr.3-13.
2. Phạm Phương Chi, Trần Tịnh Vy (2020), “Tiếp biến văn hóa: Những xu hướng lý thuyết và nghiên cứu chính”, Tạp chí *Nghiên cứu Đông Nam Á*, số 12.
3. Phan Hữu Dật (1998), *Một số vấn đề dân tộc học Việt Nam*, Nxb. Đại học Quốc gia, Hà Nội.
4. Phạm Đức Dương – Châu Thị Hải (cb, 1998), *Bước đầu tìm hiểu sự tiếp xúc và giao lưu văn hoá Việt – Hoa trong lịch sử*, Nxb. Thế giới, Hà Nội.
5. Lê Quang Định (1806), *Hoàng Việt nhất thống dư địa chí*, Phan Đăng dịch, Nxb. Thuận Hóa, Huế, 2005.
6. Nguyễn Khắc Hào - Nguyễn Đình Nhã (đồng cb, 2016), *Phố Hiến*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
7. Nguyễn Thái Hòa (2012), “Giao lưu văn hóa Việt – Hoa qua tín ngưỡng thờ thần Tài ở Nam Bộ”, Tham luận hội thảo *Văn hóa Nam Bộ trên bình diện giao tiếp* do Trung tâm Nghiên cứu văn hóa - Viện Phát triển bền vững vùng Nam Bộ và Khoa Sư phạm trường Đại học Cần Thơ tổ chức tại thành phố Cần Thơ, ngày 21/12.
8. Nguyễn Thị Hương (2015), “Giao lưu, tiếp biến văn hóa trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế hiện nay”, Tạp chí *Khoa học & Công nghệ Việt Nam*, số 1 (5), tr.55-60.

9. Trần Thị Hường (2008), *Di tích và lễ hội đền Thiên Hậu ở Phố Hiến, thị xã Hưng Yên*, Luận văn Thạc sĩ Văn hóa học, Viện Nghiên cứu Văn hóa, Hà Nội.
10. Nguyễn Thừa Hỷ (2014), “Tiếp biến văn hóa Việt Nam dưới góc nhìn lý thuyết hệ thống”, Tạp chí *Khoa học xã hội Việt Nam*, số 9 (82).
11. Nguyễn Xuân Kính (2013), “Tiếp xúc văn hóa và tiếp biến văn hóa” in trong sách *Con người, môi trường và văn hóa*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
12. Trần Hồng Liên (2006), “Nghĩ lễ và lễ hội bà Thiên Hậu ở Việt Nam trong quá trình hội nhập quốc tế”//*Giá trị và tính đa dạng của folklore châu Á trong quá trình hội nhập*, Nxb. Thế giới, tr.353-364.
13. Lê Hồng Lý (1999), “Hội đền Thiên Hậu”, Tạp chí *Nghiên cứu Đông Nam Á*, số 2.
14. Phan Thị Hoa Lý (2008), “Tín ngưỡng Thiên Hậu ở phố Hiến”, Tạp chí *Văn hoá dân gian*, số 4.
15. Phan Thị Hoa Lý (2018), *Tín ngưỡng thờ Thiên Hậu ở Việt Nam*, Nxb. Hội Nhà văn, Hà Nội.
16. Phan Thị Hoa Lý (2019), “Biến đổi tục thờ bà Thiên Hậu ở đền Thiên Hậu Hạ phố: Chiến lược hội nhập của người Hoa”, tham luận hội thảo quốc tế *Tín ngưỡng thờ Quan Âm và nữ thần ở châu Á*, do trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội và Đại học Kim Môn, Đại học Thành Công (Đài Loan, Trung Quốc) tổ chức tại trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, Hà Nội, ngày 5-7/9/2019.
17. Nguyễn Hoa Mai (2019), “Tiếp biến, một phương thức sáng tạo văn hóa”, đăng trên Tạp chí *Khoa học xã hội*, số 2, tr.76-83.
18. Trần Hạnh Minh Phương (2001), *Giao lưu văn hoá Việt - Hoa qua các cơ sở tín ngưỡng - tôn giáo của người Hoa ở thành phố Hồ Chí Minh*, Luận văn Thạc sĩ Lịch sử, Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh.
19. Trần Hạnh Minh Phương (2004), “Văn hoá Việt của người Hoa”, Tạp chí *Xưa và nay*, số 210 tháng 4, tr.32-34.
20. Quốc sử quán triều Nguyễn (1882), *Đại Nam nhất thống chí*, Viện Sử học dịch, 5 tập, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1971.
21. Quốc sử quán triều Nguyễn (1888), *Đồng Khánh địa dư chí*, Ngô Đức Thọ, Nguyễn Văn Huyền, Philippe Papin biên dịch (2003), 3 tập, Nxb. Thế giới, Hà Nội.
22. Trương Hữu Quýnh (1992), “Sự ra đời và phát triển của Phố Hiến”, in trong sách *Phố Hiến kỷ yếu hội thảo khoa học*, UBND tỉnh Hải Hưng – Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam, Sở Văn hóa Thông tin Hưng Yên tái bản lần thứ nhất (2006).
23. Thích Đại Sán (1699), *Hải ngoại ký sự (Sử liệu nước Đại Việt thế kỷ XVIII)*, L.M. Nguyễn Phương, Hải Tiên, Nguyễn Duy Bật dịch (1963), Viện Đại học Huế xuất bản.

24. Hà Văn Tấn (1981), “Giao lưu văn hóa của người Việt cổ”, Tạp chí *Văn hóa Nghệ thuật*, số 4.
25. Huỳnh Quốc Thắng (2003), *Lễ hội dân gian của người Việt ở Nam Bộ (khía cạnh giao tiếp văn hóa dân tộc)*, Nxb. Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
26. Ngô Đức Thịnh (2006), *Văn hóa, văn hóa tộc người và văn hóa Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
27. Ngô Đức Thịnh (2010), *Đạo Mẫu Việt Nam*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
28. Nguyễn Ngọc Thơ (2010), “Tín ngưỡng Thiên Hậu trong văn hóa Tây Nam Bộ”//Kỷ yếu hội thảo khoa học *Văn hóa phi vật thể người Việt miền Tây Nam Bộ*, Tạp chí *Văn hóa nghệ thuật* và Khoa Văn hóa học, Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, Đại học quốc gia thành phố Hồ Chí Minh tổ chức.
29. Nguyễn Ngọc Thơ (2015), “Đặc trưng tín ngưỡng thờ Thiên Hậu đồng bằng sông Cửu Long”, Tạp chí *Phát triển khoa học và công nghệ*, X2.
30. Nguyễn Ngọc Thơ (2015), “Dấu tích tục thờ Tam phủ trong tín ngưỡng Thiên Hậu của người Việt ở vùng Tây Nam Bộ”, Tạp chí *Văn hóa dân gian*, số 6.
31. Huỳnh Ngọc Trảng Cb. (2012), *Đặc khảo văn hóa người Hoa ở Nam Bộ*, Nxb. Văn hóa dân tộc. Tổng cục Thống kê (2020), *Kết quả toàn bộ tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019*, Nxb. Thống kê, Hà Nội.
32. UBND tỉnh Hải Hưng – Hội Khoa học lịch sử Việt Nam (2006), *Phổ Hiến kỷ yếu hội thảo khoa học*, Sở văn hóa Thông tin – Thể thao Hải Hưng xuất bản năm 1994, tái bản lần thứ nhất năm 2006.
33. Vô danh (không ghi năm biên soạn), *Hưng Yên tỉnh nhất thống chí*, Dương Văn Hoàn dịch, Thư viện tỉnh Hưng Yên xuất bản, 2011.
34. Trần Quốc Vượng (1997), *Cơ sở văn hóa Việt Nam*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.
35. Nguyễn Thị Yên (2012), “Tục thờ Mẫu của người Việt trong cuộc sống đương đại”, Tạp chí *Văn hóa Nghệ An*, số 225.

Abstract

**ROLE OF THE INDIVIDUAL TO THE CHANGE OF
MAZU WORSHIP
(The case of Thien Hau Ha temple in Pho Hien, Hung Yen city)**

Phan Thi Hoa Ly

*Institute of Cultural Studies, Vietnam Academy of Social
Sciences (VASS)*

The process of co-living and long-term contact among ethnic groups inevitably lead to changes in culture in general and beliefs in particular. These changes depend on the relationship between the cultural heritage and the receiving culture of the migrants, the type of migration, the ethnic culture, cultural similarity, the impact of the “context of reception” (including historical, political, economic, and cultural conditions of the receiving community/country). Using fieldwork methods including participant observation, in-depth and retrospective interviews, and secondary documents research, this article analyzes the transformation process of Mazu (Thien Hau) worship at Thien Hau Ha temple, Hung Yen City, and factors affecting that process. The results show that, in addition to the impact of the aforementioned factors, the transformation of this belief is also strongly influenced by the individual’s role.

Keywords: Thien Hau belief, Chinese people, cultural change, role of individuals.